

Bản án số: **329/2018/HS-ST**.

Ngày: 10/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Miến

Bà Bùi Thị Thu Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hải - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Bảy - *Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 340/2018/TLST- HS ngày 13/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2018/QĐXXST - HS ngày 22/8/2018, đối với bị cáo:

*** Bị cáo: Nguyễn Thị Thu P;** sinh năm 1967, tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: số 4 ngách 2 ngõ TT I, phường TQ, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội; Hiện không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị L; Có 01 con (*sinh năm 1991*); Danh chỉ bản số: 0515 lập ngày 16/7/2018 tại Công an quận Đống Đa; Tiền án: chưa có; Tiền sự: chưa có; Bị bắt theo quyết định truy nã từ ngày: 16/4/2018; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an TP. Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1961; Địa chỉ: P 10 B 13 tập thể KL, phường KL, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội; có mặt;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Cẩm M, sinh năm 1981; Địa chỉ: số 1 ngõ 255 phố V, phường ĐT, quận HBT, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

- Anh Ngô Mạnh Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: 10A-A47 Lãng Yên, phường TQ, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội; có mặt;

*** Người bào chữa:** Các luật sư Phùng Thị P L và Đồng Minh D – Văn phòng luật sư XYZ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu P; cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đống Đa , thành phố Hà Nội nhận đơn của ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1961; trú tại: Nhà 19, ngõ 12, TNV, Hà Nội (do Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an chuyển đến) trình báo việc ông bị Nguyễn Thị Thu P chiếm đoạt số tiền 149.775 đô la Mỹ (USD) mà P nhận chuyển giúp ông số tiền trên vào tài khoản số 01500017743006 của ông Hồ Viết L mở tại Ngân hàng TMCP ABC.

Ông B đã nộp cho Cơ quan điều tra giấy nhận tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Thu P. Ngày 29/3/2010 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã quyết định khởi tố vụ án , khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thu P, về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự . Do Nguyễn Thị Thu P bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã quyết định truy nã. Ngày 16/4/2018 Nguyễn Thị Thu P bị bắt theo Lệnh truy nã . Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, chị Nguyễn Cẩm M (*sinh năm 1981, trú tại: Số 1, ngõ 255, Phố V, phường DT, quận HBT, TP Hà Nội*) có quen biết với ông Bùi Ngọc B. Khoảng cuối năm 2009, chị M nhờ ông B tìm người quen để chuyển giúp số tiền 149.775 USD (*Một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đô la Mỹ*) vào tài khoản số 01500017743006 của ông Hồ Viết L (*sinh năm 1955, trú tại: Phương Tân Tiến, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên*) mở tại Ngân hàng ABC (Ông L đang cư trú tại nước ngoài). Do có quen biết với Nguyễn Thị Thu P, biết P đang làm việc tại công ty Bảo hiểm Y, quá trình quen biết ông B được P giới thiệu có quen biết nhiều cán bộ ngân hàng. Khi được chị M nhờ, ông B đã hỏi P và được P nhận lời giúp chuyển số tiền 149.775 USD vào tài khoản của ông L. Hai bên thỏa thuận chi phí “hoa hồng” chuyển tiền sẽ tính toán sau. Ngày 15/12/2009, ông B nhận số tiền 149.775 USD từ chị M và đưa cho P để chuyển vào tài khoản nêu trên của ông Hồ Viết L. P hứa sau 3 ngày tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của ông L. Sau khi nhận tiền của ông B, khoảng 3 ngày sau P mới viết giấy biên nhận tiền đề ngày 15/12/2009, với nội dung: Xác nhận P đã nhận tiền của ông B để chuyển tiền vào tài khoản của ông L như đã cam kết nêu trên. Tuy nhiên, P không nhờ ai chuyển số tiền trên vào tài khoản của ông L như đã hứa. Sau 3 ngày, ông B được chị M thông báo tiền chưa có trong tài khoản của ông L, ông B hỏi thì P nói dối là đang làm thủ tục chuyển tiền. Để ông B tin mình đã chuyển tiền, P tự soạn thảo 01 bản telex giả bằng tiếng Anh, với nội dung P đã chuyển 149.775 USD vào tài khoản của ông L rồi gửi qua địa chỉ thư điện tử (email) cho ông B. Sau đó, ông B lại được chị M thông báo tiền vẫn chưa được chuyển vào tài khoản của ông L. Ông B hỏi thì P

nói dối là có trục trặc nên đợi thêm 1 hoặc 2 ngày nữa. Ngày 23/12/2009 P tiếp tục làm giả 01 bản telex bằng tiếng Anh thể hiện đã chuyển tiền vào tài khoản của ông L rồi gửi qua địa chỉ thư điện tử cho ông B. Đợi lâu không thấy tiền được chuyển vào tài khoản của ông L, ông B tự đến Ngân hàng ABC để tìm hiểu thì được biết P không chuyển số tiền 149.775 USD vào tài khoản của ông L như đã thỏa thuận. Ông B tìm gặp P để đòi tiền, P xin lỗi ông B nói đã sử dụng tiền vào mục đích khác và hứa sẽ trả tiền cho ông B trong thời gian sớm nhất nhưng sau đó P không trả mà bỏ trốn.

Ông B đã tự bỏ số tiền 149.775 USD của cá nhân của ông trả lại cho chị M. Đến nay, chị M không có yêu cầu gì khác, ông B yêu cầu Nguyễn Thị Thu P bồi thường cho ông toàn bộ số tiền trên.

Theo văn bản số 1568/NHNT.QLKDV ngày 19/3/2010 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam cung cấp : Tại thời điểm ngày 15/12/2009 tỷ giá 1 USD = 18.479 đồng Việt Nam. Như vậy tổng số tiền P đã nhận của ông B là 149.775 USD (với tỷ giá 18.479 đồng/ 1USD) tại thời điểm P được giao tiền trị giá: 2.767.692.000 đồng (*hai tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Tại Bản kết luận giám định số 5701/KLGD-PC54 (Đ4) ngày 2/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội xác định : Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu P trên giấy nhận tiền đề ngày 15/12/2009 là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Thu P.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. P khai sau khi nhận số tiền 149.775 USD từ ông B, thì chồng cũ của P là Ngô Xuân K gặp P trình bày hoàn cảnh khó khăn do c hơi cờ bạc , nợ tiền nhiều người , bị chủ nợ đòi tiền và đe dọa sẽ làm hại vợ con cùng những người trong gia đình . K nhờ P giúp đỡ cho vay tiền trong khoảng 1 tháng, khi K đòi được nợ về thì sẽ trả cho P. Vì P đang nuôi con trai nhỏ, sợ ảnh hưởng đến con nên đã đưa toàn bộ số tiền trên cho K (*không viết giấy biên nhận*). Khi ông B đòi tiền, P tìm K để yêu cầu trả tiền nhưng không gặp . Do không có tiền trả cho ông B nên P đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Kết quả xác minh xác định ông Ngô Xuân K do bị tai biến đã chết ngày 24/7/2011. Ngoài lời khai như trên, P không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đưa tiền cho K. Do đó có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Thị Thu P đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 149.775USD của ông B như đã nêu trên.

Ngoài việc chiếm đoạt tiền của ông B nêu trên, Cơ quan điều tra còn nhận đơn của ông Nguyễn Tiến G (*sinh năm: 1968, trú tại: Số 77 phố HC, phường ĐX, quận HK, TP. Hà Nội*) tố giác Nguyễn Thị Thu P vay ông số tiền 15.000 (mười lăm nghìn) bằng Anh sau đó không trả . Ông G tìm P để đòi tiền nhưng không gặp, cũng không liên lạc được với P. Ngày 19/4/2018 biết P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Đống Đa bắt giữ, ông G đã gửi đơn tố giác

hành vi của P đến Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã triệu tập ông G để làm rõ nội dung đơn tố giác nhưng ông G không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được ông G đang làm gì, ở đâu. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 228/QĐ-PC44 (Đ3) tách rút toàn bộ tài liệu liên quan đến hành vi nêu trên của P để điều tra, xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 292/CT- VKS –P3 ngày 02/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo: Nguyễn Thị Thu P về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo công nhận việc truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là đúng, giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại là ông Bùi Ngọc B xác nhận sự việc đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về lao động có điều kiện thực hiện việc bồi thường.

- Anh Ngô Mạnh Q (là con trai bị cáo) khai đã được bị cáo nhắn qua các luật sư đề nghị bồi thường cho bị hại. Anh đã nộp số tiền 50.000.000 đồng cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để thay bị cáo khắc phục một phần hậu quả vụ án. Anh không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ tội phạm đã giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175, các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 10 đến 11 năm tù; Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng vụ án là giấy nhận tiền do Nguyễn Thị Thu P viết; phù hợp với kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hà Nội; phù hợp với giấy cung cấp thông tin về tài khoản do Ngân hàng TMCP ABC cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/12/2009, Nguyễn Thị Thu P đã nhận số tiền 149.775 đô la Mỹ (USD) của ông Bùi Ngọc B với cam kết sẽ chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản số 01500017743006 của ông Hồ Viết L mở tại Ngân hàng TMCP ABC. Sau khi nhận số ngoại tệ trên P đã không thực hiện đúng cam kết, không chuyển tiền vào tài khoản nêu trên, không trả lại tiền cho ông B mà làm giả 02 bản telex bằng tiếng Anh thể hiện đã chuyển tiền vào tài khoản nêu trên để lừa dối ông B. Khi phát hiện số tiền trên không được chuyển đến tài khoản theo yêu cầu, ông B đã yêu cầu P trả lại tiền nhưng P không trả mà bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm. Đến ngày 16/4/2018 P bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan điều tra.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết mình không có đăng ký kinh doanh và cũng không tham gia hoạt động trong doanh nghiệp nào có chức năng làm dịch vụ chuyển ngoại hối theo quy định của pháp luật, nhưng đã lợi dụng được người khác tin tưởng, giao tài sản để nhận làm dịch vụ chuyển ngoại hối. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền của bị hại, bị cáo đã không thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của ông Hồ Viết L theo đúng cam kết, mà làm giả các giấy tờ thể hiện đã chuyển tiền đi để lừa dối bị hại, không trả lại tiền cho bị hại, sau đó bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm, chiếm đoạt tiền của bị hại.

Theo xác minh của Cơ quan điều tra, tại tài khoản số 01500017743006 của ông Hồ Viết L mở tại Ngân hàng TMCP ABC từ khi mở đến nay không có giao dịch nào (*bút lục 146*). Đến nay, ông Hồ Viết L đã chết (*bút lục 156a*).

Việc bị cáo khai đưa tiền cho ông Ngô Xuân K (*là chồng cũ của bị cáo*) vay toàn bộ số tiền đã nhận của ông B, nhưng bị cáo không đưa ra được tài liệu nào chứng minh, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa, tại thời điểm năm 2009 (*khi xảy ra vụ án*) bị cáo vào ông K đã ly hôn, bị cáo khai đưa cho ông K vay số tiền lớn, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh, đến nay ông K đã chết (*bút lục 162*), do đó lời khai như trên của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 149.775 USD. Theo văn bản số

1568/NHNT.QLKDV ngày 19/3/2010 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cung cấp: Tại thời điểm ngày 15/12/2009 tỷ giá 1 USD bằng 18.479 đồng, do đó tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại trị giá 2.767.692.000 đồng.

Do đó, bị cáo đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực. Tuy nhiên, các quy định của Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là quy định có lợi hơn cho bị cáo so với các quy định của Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử với bị cáo. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần phải đưa bị cáo ra truy tố, xét xử để có mức hình phạt tù tương xứng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét: Số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn nhưng chưa thu hồi trả bị hại, bị cáo mới tác động đến gia đình để nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả vụ án. Sau khi xảy ra vụ án bị cáo đã bỏ trốn trong một thời gian dài, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử cũng xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã nhấn về gia đình bồi thường một phần tài sản cho bị hại, gia đình bị cáo có bố bị cáo tham gia cách mạng đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bằng khen, giấy khen của Nhà nước, tại phiên tòa bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để từ đó giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 149.775 USD, tương đương 2.767.692.000 đồng và xin nhận số tiền gia đình bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án để bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đòi bồi thường của ông B là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu trên. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo yêu cầu của bị hại, giao cho ông B được nhận số tiền gia đình bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án để trừ vào số tiền bồi thường.

- Trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Cẩm M xác nhận việc chị và ông Bùi Ngọc B đã thỏa thuận về việc dân sự, chị không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Nguyễn Mạnh Quân không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án để thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án

phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu P phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Thu P 16 (mười sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Bùi Ngọc B số tiền 2.767.692.000 (hai tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng để bồi thường cho bị hại (*theo biên lai thu tiền số 0697 ngày 15/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội*).

- Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Bùi Ngọc B số tiền 2.717.692.000 (*hai tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn*) đồng.

- Ông Bùi Ngọc B được nhận số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng gia đình bị cáo đã nộp, hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (*theo biên lai thu tiền số 0697 ngày 15/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 86.353.840 (tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Mạnh Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Cẩm M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 - CAHN;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Huy

